

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của
HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 1831/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 của UBND
tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai;
Báo cáo thẩm tra số 60/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế -
Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai, cụ thể:

Điều chỉnh, bổ sung điểm a, b khoản 2 và khoản 5, Điều 1 Nghị quyết số
47/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung
hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương và biểu số 1, 2 kèm
theo, cụ thể:

1. Bổ sung tăng 386.766 triệu đồng từ nguồn không trích nộp 30% nguồn
thu tiền sử dụng đất năm 2022 vào Quỹ phát triển đất dành lại để đầu tư, trong đó:

a) Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư: bổ sung 228.420 triệu đồng, cụ thể:

(1) Dự án Sửa chữa, nâng cấp đường liên huyện Pleiku - Đak Đoa - Chư
Sê đoạn ngã ba La Sơn đến trung tâm xã Ia Tiêm (Km0+00 - Km7+100) bổ sung
19.902 triệu đồng.

(2) Dự án Trường THCS Nguyễn Du, huyện Đak Pơ bổ sung 2.080 triệu đồng.

(3) Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất
liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 bổ sung 35.730 triệu đồng.

(4) Xử lý hụt thu năm 2019, 2020: 170.708,183 triệu đồng.

b) Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư: bổ sung 158.346 triệu đồng.

2. Nguồn vốn dự phòng tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư:

a) Điều chỉnh tăng 15.920 triệu đồng từ nguồn vốn dự phòng tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư cho 01 dự án, cụ thể: Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 bổ sung 15.920 triệu đồng.

b) Điều chỉnh giảm 15.920 triệu đồng từ nguồn vốn dự phòng tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư để bổ sung cho dự án Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 (giảm vốn dự phòng từ 380.644 triệu đồng xuống còn 364.724 triệu đồng, tương ứng giảm vốn dự phòng từ 10% xuống còn 9,58%).

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban TVQH;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

Biểu 1

BỘ SUNG, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:					
						Tổng số	Trong đó: NSDP		NSDP	Trong đó				NSDP	Trong đó				
										Thu hồi các khoản ứng trước NSDP					Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
A	Kinh phí 30% thu tiền sử dụng đất không trích nộp vào Quỹ phát triển đất dành để đầu tư					102,090	77,650	0	0	0	0	0	386,766	386,766	386,766	163,131.142	0		
I.1	Tiền sử dụng đất tính đầu tư					102,090	77,650	-	-	-	-	-	228,420	228,420	228,420	163,131.142	-		
(1)	Bố trí kinh phí xử lý huyệt thu năm 2019, 2020												170,708.183	170,708.183	170,708.183	163,131.142			Chi tiết tại phụ lục 2
(2)	Quốc phòng					51,650	51,650	-	-	-	-	-	35,730	35,730	35,730	-	-		
1	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Các xã biên giới	Xây dựng mới 5 chốt và hoàn chỉnh 02 chốt dân quân thường trực	2022-2025	80/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	51,650	51,650						35,730	35,730	35,730			Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
(3)	Giao thông					44,440	20,000	-	-	-	-	-	19,902	19,902	19,902	-	-		
1	Sửa chữa nâng cấp đường liên huyện Pleiku-Đak Đoa-Chư Sê (đoạn ngã ba La Sơn đến trung tâm xã Ia Tiêm km0+00-km7+100)	Pleiku-Đak Đoa-Chư Sê	L=7,1km, cấp IV miền núi	2020-2021	627/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	44,440	20,000	-	-	-	-		19,902	19,902	19,902			BQL các DA ĐTXD tỉnh	Năm 2020 bố trí quỹ dự trữ tài chính nhưng không thực hiện được phải thu hồi. Chuyển sang sử dụng vốn đầu tư công để thanh toán khối lượng hoàn thành
(4)	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề					6,000	6,000	-	-	-	-	-	2,080	2,080	2,080	-	-		
1	Trường THCS Nguyễn Du, huyện Đak Pơ	Đak Pơ	Nhà đa năng cấp III 01 tầng ĐTXD 408 m²; nhà học bộ môn cấp II, 02 tầng ĐTXD 348 m²; nhà vệ sinh, sân bê tông	2020	190/QĐ-UBND ngày 10/3/2017; 74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6,000	6,000	-	-	-		2,080	2,080	2,080				UBND huyện Đak Pơ	Bổ sung thanh toán do huyệt thu năm 2020
I.2	Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư												158,346	158,346	158,346				Chi tiết tại phụ lục 1
B	Vốn dự phòng 10% tiền sử dụng đất tính đầu tư																		
I	Điều chỉnh giảm vốn							380,644	380,644	-	-	15,920	-	364,724	364,724	-	-		
(1)	Vốn dự phòng 10%							380,644	380,644			15,920		364,724	364,724				
II	Điều chỉnh tăng vốn																		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:					
						Tổng số	Trong đó: NSDP		NSDP	Trong đó				NSDP	Trong đó				
										Thu hồi các khoản ứng trước NSDP					Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
(1)	Quốc phòng					51,650	51,650	-	-	-	-	15,920	15,920	15,920	-	-			
	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Các xã biên giới	Xây dựng mới 5 chốt và hoàn chỉnh 02 chốt dân quân thường trực	2022-2025	80/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	51,650	51,650					15,920	15,920	15,920			Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự án trình phê duyệt chủ trương đầu tư đồng thời	

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH 30% TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ CỦA HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kinh phí không tích nộp 30% tiền sử dụng đất về quỹ phát triển đất của tỉnh dành để đầu tư	Ghi chú
I	Thu tiền sử dụng đất của huyện, thị xã, thành phố	158,346	
1	Thành phố Pleiku	87,669	
2	Huyện Đak Đoa	3,510	
3	Thị xã An Khê	16,206	
4	Thị xã Ayun Pa	2,025	
5	Huyện Chư Sê	13,500	
6	Huyện Chư Păh	5,778	
7	Huyện Ia Grai	6,048	
8	Huyện Mang Yang	1,762	
9	Huyện Chư Prông	1,350	
10	Huyện Chư Pưh	7,560	
11	Huyện Kbang	1,890	
12	Huyện Kông Chro	87	
13	Huyện Đức Cơ	5,940	
14	Huyện Đak Pơ	1,890	
15	Huyện Ia Pa	432	
16	Huyện Krông Pa	1,890	
17	Huyện Phú Thiện	810	

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 DO HỤT THU NĂM 2019, 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch bổ sung vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 (từ nguồn không trích nộp 30% nguồn tiền sử dụng đất năm 2022 vào Quỹ phát triển đất)				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó				
						Tổng số	Trong đó: NSDP		NSDP	Trong đó			
										Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB		
	Tổng số						170,708.183	170,708.183	-	-			
I	Năm 2019						121,597.041	121,597.041	-	-			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Các huyện, thị xã					114,020.000	114,020.000			UBND thị xã Ayun Pa, UBND các huyện Chư Păh, Phú Thiện, Ia Pa, Đak Pơ, Mang Yang, Đak Đoa, Đức Cơ, Kông Chro, Chư Puh, Chư Sê, Ia Grai, Chư Prông, Kbang	UBND tỉnh phân bổ chi tiết	
2	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Các huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu đại chính trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Gia Lai	2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1,316,321	1,316,321	7,577.041	7,577.041			Sở TNMT	
II	Năm 2020						49,111.142	49,111.142	-	-	-		
1	Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai	Các huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu đại chính trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Gia Lai	2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1,316,321	1,316,321	20,825.862	20,825.862			Sở TNMT	
2	Kè chống sạt lở bờ Tây sông Ayun đoạn qua thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	Chiều dài tuyến L=8.380m	2012-2020	724/QĐ-UBND ngày 09/8/2013; 939/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 848/QĐ-UBND ngày 13/9/2017; 1043/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	412,009	64,988	235.292	235.292			UBND thị xã Ayun Pa	
3	Đường vào ba buôn xã Chư Đrăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	Đường cấp V miền núi theo TCVN 4054-2005 L=10,81km mặt đường BTXM; Bn=6,5m, Bm = 3,5m (đoạn qua khu dân cư mặt đường rộng 5,5m, nền đường rộng 7,5m); hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang và công trình phòng hộ trên tuyến	2019-2020	383/QĐ-UBND ngày 28/6/2019; 1009/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	39,100	39,100	4,687.560	4,687.560			UBND huyện Krông Pa	
4	Đầu tư trang thiết bị cho bệnh viện tuyến tỉnh	Pleiku	HP1: Trang thiết bị cho Bệnh viện nhi. HP2: Trang thiết bị bệnh viện tuyến tỉnh.	2018-2020	988/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 934/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	150,000	122,608	1,474.380	1,474.380			BQL các dự án ĐTXD	
5	Trường phổ thông DTNT huyện Đức Cơ (nay là trường THCS dân tộc nội trú huyện Đức Cơ), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ	Đức Cơ	Nhà học lý thuyết 6 phòng + thực hành DTS 1.256m2, nhà hiệu bộ + thư viện DTS 482 m2, KTX nam DTS 683 m3, KTX nữ DTS 596m2, nhà ăn, bếp ĐTXD 343 m2, thiết bị và các hạng mục phụ	2018-2020	308/QĐ-UBND ngày 21/4/2017	30,000	30,000	4,303.670	4,303.670			BQL các dự án ĐTXD	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch bổ sung vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 (từ nguồn không trích nộp 30% nguồn tiền sử dụng đất năm 2022 vào Quỹ phát triển đất)				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó				
						Tổng số	Trong đó: NSDP		NSDP	Trong đó			
										Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB		
6	Nâng cấp Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Kông Chro	Kông Chro	Nhà học bộ môn, thư viện: Công trình cấp III, 02 tầng DTXD 570m2, DTS 1026m2, nhà vệ sinh, hàng rào xây kín Cải tạo nhà học 8 phòng, nhà đa năng, khu ký túc xá, nhà ăn, bếp, nhà bảo vệ, sân bê tông, nhà để xe...	2018-2020	1085/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	16,000	16,000	2,812.331	2,812.331			BQL các dự án ĐTXD	
7	Trường THCS Phú Túc, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa	Krông Pa	Nhà học 12 phòng: Công trình cấp III, 02 tầng, DTS 1.023 m2; nhà học bộ môn: 02 tầng, DTS 675 m2; nhà hiệu bộ, thư viện: 02 tầng, DTS 502 m2; nhà đa năng, DTXD 498 m2; các hạng mục phụ	2019-2020	128/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2018	14,990	14,990	3,000.000	3,000.000			UBND huyện Krông Pa	
8	Trường THPT Pleime, xã Ia Ga, huyện Chư Prông	Chư Prông	Nhà hiệu bộ, 02 tầng.DTXD 261m2, DTS 471 m2; Nhà học bộ môn, 02 tầng, DTXD 390m2, DTS 699 m2; thiết bị và các hạng mục phụ.	2020	161/QĐ-UBND ngày 07/3/2017; 131/QĐ-SKHĐT ngày 08/10/2019	6,000	6,000	2,584.646	2,584.646			BQL các dự án ĐTXD	
9	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Uar, huyện Krông Pa	Krông Pa	Nhà đa năng, DTXD 421 m2, các hạng mục phụ	2019-2020	232/QĐ-UBND ngày 05/4/2016; 564/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	3,000	3,000	1,500.000	1,500.000			UBND huyện Krông Pa	
10	Trường THCS Nguyễn Du, xã Cư An, huyện Đak Pơ	Đak Pơ	Nhà đa năng cấp III 01 tầng DTXD 408m2; nhà học bộ môn cấp II, 02 tầng DTXD 348m2; nhà vệ sinh, sân bê tông	2020	190/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6,000	6,000	400.000	400.000			UBND huyện Đak Pơ	
11	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Phú An, huyện Đak Pơ	Đak Pơ	Nhà đa năng, DTXD 450 m2, các hạng mục phụ	2020	187/QĐ-UBND ngày 10/3/2017; 73/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3,000	3,000	350.000	350.000			UBND huyện Đak Pơ	
12	Trường THCS Quang Trung, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện	Phú Thiện	Nhà đa năng, DTXD 456 m3, sân bê tông 1.135m2	2020	261/QĐ-UBND ngày 14/4/2016; 2234/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	3,000	3,000	937.400	937.400			UBND huyện Phú Thiện	
13	Trường THCS Kpa Klong xã Hà Bầu, huyện Đak Đoa	Đak Đoa	Nhà hiệu bộ 02 tầng DTXD 270m2, DTS 505m²; nhà học lý thuyết06 phòng 02 tầng, DTXD 307m2, DTS 575m²; nhà học bộ môn 04 phòng 02 tầng, DTXD 375m2, DTS 680m²; sân bê tông, hệ thống PCCC, các hạng mục phụ; hạ tầng kỹ thuật và thiết bị trường học.	2020	500/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 154/QĐ-SKHĐT ngày 24/10/2019	12,000	12,000	4,300.000	4,300.000			UBND huyện Đak Đoa	
14	Trường THCS Kông Bờ La, xã Kông Bờ La, huyện Kbang	Kbang	Nhà hiệu bộ, 02 tầng, DTS 425 m2; Nhà đa năng, DTXD 436 m2	2020	145/QĐ-UBND ngày 03/3/2017; 462/QĐ-UBND ngày 20/11/2018	5,000	5,000	1,700.000	1,700.000			UBND huyện Kbang	